

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 64/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 27/5/2021

V/v: *Tranh chấp Ly hôn và nuôi
con*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Ngọc Tính; bà Nguyễn Thị Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hóa: Bà Bùi Thị Bích- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2020, về việc “ *Ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021 ngày 29/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quách Thị Ng - sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

Bị đơn: anh Phạm Văn H – sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Ch, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Quách Thị Ng trình bày: Chị và anh Phạm Văn H, sau thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, được sự nhất trí của hai gia đình, anh chị tổ chức cưới vào ngày 22/02/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H hay uống rượu say, chửi mắng vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, đến năm 2015, chị và anh H sống ly thân. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân nhau, chị vẫn mong anh H thay đổi để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con, nhưng anh H vẫn không thay đổi tính nết, đến năm 2019, chị đã chuyển hộ

khẩu về xã C, chị đã gặp trực tiếp và nhiều lần trao đổi với anh H về việc ly hôn, nhưng anh H trả lời là “*chị thích thì cứ nộp đơn ra Tòa án giải quyết, còn anh sẽ không có mặt*”. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân nhau đã lâu, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Thị Hồng Q – sinh ngày 07/9/2012. Cháu Q hiện nay đang ở với chị, chị có nguyện vọng được nuôi cháu đến đủ tuổi thành niên, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho anh H, nhưng anh H vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Tòa án phải tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh ngày 02/4/2021 đối với người thân của anh Phạm Văn H là bà Cao Thị C (mẹ đẻ anh H), bà C cho biết: Anh H là con trai thứ hai của bà, anh H và chị Ng quen biết nhau trong thời gian đi làm ăn ở Miền nam, năm 2012, anh chị tổ chức cưới, sau khi cưới vợ chồng ở chung nhà với gia đình bà một thời gian, sau đó cùng nhau đi làm ăn ở miền nam, đến năm 2015, vợ chồng mâu thuẫn thế nào bà cũng không biết cụ thể, chị Ng và con về nhà ngoại ở. Gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Sau khi chị Ng làm đơn xin ly hôn, bà đã nhận được giấy triệu tập và các Thông báo của Tòa án và cam kết giao lại cho anh H. Bà cũng đã động viên anh H về giải quyết, nhưng anh H vẫn không chịu về. anh H đi làm ăn ở tỉnh Lạng Sơn nhưng không cho bà biết địa chỉ cụ thể, chỉ liên lạc qua điện thoại. anh H mới về nhà đợt tết nguyên đán năm 2021. Ngày 05/5/2021, bà C cho biết: Trong dịp nghỉ 30/4/2021, anh H về nhà để làm căn cước công dân, bà cũng đã đưa các giấy triệu tập, các thông báo và Quyết định của Tòa án cho anh H, nhưng anh H vẫn không đến Tòa án làm việc.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, điều 56, điều 57, điều 58 và điều 81, điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị

HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Quách Thị Ng ly hôn anh Phạm Văn H. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Hồng Q – sinh 07/9/2012 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Chị Ng không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản, công nợ chung: Chị Ng không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Về án phí: Chị Ng phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Quách Thị Ng làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Phạm Văn H trú tại: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, con cái được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Anh Phạm Văn H hiện không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc. Kết quả xác minh tại gia đình anh Phạm Văn H và xác minh với Công an xã C, huyện C thì anh Phạm Văn H hiện đang có hộ khẩu thường trú tại sổ hộ khẩu của gia đình bà Cao Thị C, tại thôn C, xã C. Anh H đi làm ăn thỉnh thoảng vẫn về quê, anh H đi không khai báo cho chính quyền địa phương biết, các khoản đóng góp với địa phương gia đình anh H vẫn thực hiện đầy đủ. Căn cứ vào khoản 3 điều 40; điểm b khoản 2 điều 277 của BLDS năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 - Nghị quyết 04/2017/NQQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú là thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Phạm Văn H đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập để trình bày ý kiến; các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Các thủ tục tố tụng đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227- Bộ luật TTDS. Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử vắng mặt anh H. Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn

bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị Ng và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống giữa chị Ng và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm không còn, vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu của chị Ng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51 và điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Thị Hồng Q- sinh 07/9/2012. Chị Ng có nguyện vọng được nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị Ng là chính đáng vì hiện nay cháu Q đang ở với chị, cháu Q có bản tự khai trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Theo biên bản xác minh với chính quyền địa phương xã C ngày 12/4/2021 phản ánh: Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Quách Thị Ng và anh Phạm Văn H mâu thuẫn thế nào chính quyền địa phương không biết vì anh chị không đề nghị hòa giải, anh H đi làm ăn ở đâu cũng không báo cáo chính quyền, chị Ng và cháu Q đã chuyển hộ khẩu về xã C từ năm 2019. Ủy ban nhân dân xã C cũng xác nhận : Chị Quách Thị Ng và cháu Phạm Thị Hồng Q có hộ khẩu tại Thôn C, xã C, huyện C. Cháu Q đang ở với chị Ng được đảm bảo điều kiện học tập. Do đó, giao cháu Phạm Thị Hồng Q cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên là phù hợp. Chị Ng không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Ng không có yêu cầu, nên không xem xét

[5] Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 96; khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238 và Điều 273 - Bộ luật TTDS. Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho cho chị Quách Thị Ng được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Thị Hồng Q – sinh 07/9/2012. Giao cháu Q cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền đi lại thăm nom không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết

4. Về án phí: Chị Ng phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003707, ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị Ng đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện C.
- TAND tỉnh Thanh Hoá.
- Chi cục THADS huyện C.
- UBND xã C
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Thanh

